

Số: 569 /QĐ-LĐTBXH

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định tổ chức chứng nhận

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1480/QĐ-LĐTBXH ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và ủy quyền thực hiện thẩm quyền giải quyết các thủ tục hành chính chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Hồ sơ đăng ký chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Giám định Bảo Minh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Tổ chức được chỉ định: Công ty Cổ phần Dịch vụ và Giám định Bảo Minh.

- Địa chỉ trụ sở chính: 85 Hoàng Sa, phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

- Địa chỉ văn phòng giao dịch: Số 13, Đường 3, phường Bình An, Thành phố Thủ Đức (Quận 2 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0911768008

Email: info@baominhinspection.com.

- Phạm vi sản phẩm, hàng hóa chứng nhận (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này 05 năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Giám định Bảo Minh có trách nhiệm thực hiện việc chứng nhận phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục An toàn lao động, Công ty Cổ phần Dịch vụ và Giám định Bảo Minh và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KH-CN (để b/c);
- Sở LĐTBXH Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, Cục ATLĐ (03 bản).

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG**



Hà Tất Thắng

**DANH MỤC PHẠM VI CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NHÓM 2 ĐƯỢC
CHỈ ĐỊNH CHỨNG NHẬN**

*(Kèm theo Quyết định số 569 /QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 5 năm 2021 của
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

STT	TÊN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA	QUY CHUẨN/ TIÊU CHUẨN
1.	Thang máy và các bộ phận an toàn của thang máy	- QCVN 02:2011/BLĐTBXH - QCVN 18:2013/BLĐTBXH - QCVN 26:2016/BLĐTBXH - QCVN 32:2018/BLĐTBXH
2.	Thang cuốn, băng tải chở người và các bộ phận an toàn	QCVN 11:2012/BLĐTBXH
3.	Nồi hơi có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar <i>(Trừ nồi hơi có áp suất làm việc trên 16 bar sử dụng đặc thù chuyên ngành công nghiệp)</i>	QCVN 01:2008/BLĐTBXH
4.	Chai chứa khí nén có áp suất làm việc định mức trên 0,7 bar <i>(Trừ chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng)</i>	QCVN 01:2008/BLĐTBXH
5.	Bình, bồn, bể, xi téc có áp suất làm việc định mức trên 0,7 bar theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366:2010 <i>(Trừ thiết bị đặc thù chuyên ngành công nghiệp)</i>	QCVN 01:2008/BLĐTBXH
6.	Hệ thống lạnh theo phân loại tại TCVN 6739: 2015 bao gồm: - Sử dụng môi chất lạnh nhóm A3, B2L, B2, B3; - Sử dụng môi chất lạnh nhóm A2 có lượng nạp vào hệ thống từ 1,5 kg trở lên; - Sử dụng môi chất lạnh nhóm A1, A2L, B1 có lượng nạp vào hệ thống từ 05 kg trở lên.	QCVN 21:2015/BLĐTBXH
7.	Pa lăng điện, tời điện	- QCVN 7:2012/BLĐTBXH - QCVN 13:2013/BLĐTBXH
8.	Palăng kéo tay, tời tay có tải trọng nâng từ 1.000 kg trở lên	QCVN 7:2012/BLĐTBXH
9.	Bàn nâng. Sàn nâng	- QCVN 7:2012/BLĐTBXH - QCVN 12:2013/BLĐTBXH

STT	TÊN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA	QUY CHUẨN/ TIÊU CHUẨN
		- QCVN 20:2015/BLĐTBXH
10.	Cần trục	- QCVN 07:2015/BLĐTBXH - QCVN 29:2016/BLĐTBXH
11.	Cầu trục và cổng trục	- QCVN 07:2015/BLĐTBXH - QCVN 30:2016/BLĐTBXH
12.	Máy vận thăng (Trừ các máy vận thăng sử dụng trong các công trình xây dựng)	QCVN 16:2013/BLĐTBXH
13.	Xe nâng dùng động cơ có tải trọng nâng từ 1.000 kg trở lên	QCVN 25:2015/BLĐTBXH